TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **12**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 01 năm 2018
(V/v xin ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thắm**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Cúc**
Ông **Võ Sỹ Hùng**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Linh** – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2018, Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 850/ 2017/ HNGĐ-ST ngày 30 tháng 10 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 939/2017/ QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 về việc yêu cầu ly hôn giữa:

1/Nguyên đơn: Chị **Trương Thúy K** - Sinh năm: 1977
Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã L, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
2/Bị đơn: Anh **Lê Trường G** - Sinh năm 1976
Địa chỉ: Ấp B, xã L, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NHẬN THẤY:

****Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị Trương Thúy K trình bày:***

Về hôn nhân: Vào năm 2002 chị K và anh G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh G không chăm lo cuộc sống kinh tế cho gia đình, không yêu thương vợ con. Mâu thuẫn kéo dài khoảng 07 năm nay. Hiện tại, vợ, chồng không sống chung với nhau khoảng hơn 02 năm nay. Xét thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên chị K yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị và anh G có 02 con chung, cháu tên Lê Thảo N - sinh ngày 18/01/2003 và cháu Lê Thảo N - sinh ngày 08/5/2011. Hiện hai cháu đang sống với chị K. Khi ly hôn chị K yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị K tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị K khai không có nợ chung và cũng không ai nợ lại anh chị.

Quá trình tống đạt anh Lê Trường G vắng mặt không rõ lý do. Do anh G thường xuyên vắng nhà nên Tòa án tiến hành niêm niết các thủ tục để xét xử vụ án.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Phía anh G vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ theo Điều 179; 227; 228 Tòa án tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Về nội dung tranh chấp: Các đương sự tranh chấp được xác định là xin ly hôn.

Về hôn nhân: Chị K và anh G có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Lời trình bày của chị K tại phiên tòa do vợ chồng sống không hợp nhau có nhiều mâu thuẫn do anh G không chăm lo đời sống kinh tế cho gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ, con. Nên cả hai không ai quan tâm đến ai cuộc sống riêng mỗi người tự định đoạt, hiện chị cũng không còn tình cảm với anh G. Nếu Toà án không chấp nhận yêu cầu của chị, thì chị cũng không về chung sống với anh nữa, mặc khác, anh G không có ý kiến phản hồi khi chị K xin ly hôn và cũng không đến dự phiên tòa điều này chứng tỏa ý thức hàn gắn vợ chồng không còn. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, thì không cùng nhau có ý thức để xây dựng một gia đình chung. Hiện vợ chồng đã không ai quan tâm ai, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có cơ sở chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của chị K về việc xin ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị và anh G có 02 con chung, cháu tên Lê Thảo N - sinh ngày 18/01/2003 và cháu Lê Thảo N - sinh ngày 08/5/2011. Hiện 02 cháu đang ở với chị K. Khi ly hôn chị K yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Yêu cầu này của chị K phù hợp được chấp nhận đồng thời, tại biên bản ghi ý kiến con chung khi cha, mẹ ly hôn thì cháu N có ý nguyện muốn sống với chị K nên giao cháu N cho chị K nuôi là phù hợp và cháu N hiện còn nhỏ đang sống chung với chị, nên tiếp tục giao cháu N cho chị K nuôi dưỡng. Chị K không dặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh G nên không xem xét đến.

Về tài sản chung: Chị K tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Nên tòa không xem xét đến.

Về nợ chung: Chị K khai không có nợ chung và cũng không ai nợ lại anh chị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ các Điều 179, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết 326/20016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thúy K về việc xin ly hôn với anh Lê Trường G**.**

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Thảo N - sinh ngày 18/01/2003 và cháu Lê Thảo N - sinh ngày 08/5/2011 cho chị K nuôi dạy, chị K không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Anh G không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nôm, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Không có .

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị K phải nộp số tiền 300.000đ ngày 30/10/2017, chị K đã dự nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0003880 được giữ y, sung vào công quỹ Nhà nước.

Chị K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh G vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã Ký

Nguyễn Thị Thắm

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND Tp. Cà Mau;*
- *UBND xã H, huyện C, Cà Mau;*
- *Đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ;*
- *Lưu Toà án Tp Cà Mau.*

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Cúc **Võ Sỹ Hùng** **Nguyễn Thị Thắm**

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu Toà án Tp Cà Mau.

Nguyễn Thị Thắm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Cúc **Võ Sỹ Hùng** **Nguyễn Thị Thắm**

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Thắng **Thi Văn Trí** **Nguyễn Thị Thắm**

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xinh **Nguyễn Hồng Nghị** **Nguyễn Thị Thắm**

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xinh **Trần Thị Cúc** **Nguyễn Thị Thắm**

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Duy** - Sinh năm: 1983

Địa chỉ: Số 175/63, Phan Ngọc Hiển, khóm 6, phường 5, thành phố Cà Mau.

Bị đơn: Anh **Trần Thanh Tuấn** – Sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 188, Phạm Hồng Thám, khóm 2, phường 4, thành phố Cà Mau.

3/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Anh chị thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng thỏa thuận giao cháu Trần Lê Hoài Thư sinh ngày 20/4/2011 hiện đang sống cùng chị. Cho chị Duy nuôi, anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và yêu cầu tòa án ghi nhận trong quyết định: Gồm 01 căn nhà, tọa tạc đường Vành đai 2, phường 9, thành phố Cà Mau, giao cho anh Tuấn quản lý, sử dụng. Anh Tuấn có nghĩa vụ giao cho chị Duy số tiền 100.000.000 đồng *(một trăm triệu đồng)*. 01 chiếc xe Future Fi mang biển số kiểm soát 69C1-238.16 chị Duy đứng tên sở hữu, hiện nay chị Duy quản lý, sử dụng tiếp tục giao cho chị Duy quản lý, sử dụng. Giao cho anh Tuấn quản lý xe NOZZA mang biển số 69CI – 351.99, xe này chị Duy đứng tên, nên chị Duy có nghĩa vụ làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho anh Tuấn để anh Tuấn đứng tên.

Về nợ chung: Chị, anh xác định không nợ ai và cũng không ai nợ lại anh chị.

Về thời gian và phương thức thanh toán: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày 03/02/2015 anh Tuấn có nghĩa vụ giao số tiền trên cho chị Duy.

Kể từ ngày chị Duy có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Tuấn chậm thi hành thì hàng tháng phải trả thêm phần lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm chậm thi hành án.

Aùn phí dân sự có giá ngạch chị Duy, anh Tuấn không nộp; án phí hôn nhân gia đình anh Tuấn và chị Duy mỗi người nộp 50.000 đồng, chị Duy nhận nộp thay cho anh Tuấn vào ngày 05/01/2015 chị Duy đã dự nộp số tiền 5.243.000 đồng tại lai thu số 0000531, đối trừ chị Duy được nhận lại số tiền 5.143.000 đồng. Anh Tuấn nộp án phí cấp dưỡng là 100.000 đồng *(chưa nộp).*

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Sỹ Hùng **Lý Văn Sua** **Nguyễn Thị Thắm**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Thắm**
Các Hội thẩm : - Bà **Trần Thị Cúc**
- Ông **Nguyễn Văn Chiến**.

Căn cứ vào Điều 236 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào ngày 08 tháng 5 năm 2013, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án Hôn nhân và Gia đình giữa:

* Nguyên đơn: Bà **Phạm Thu Hằng**.

* Bị đơn: Ông **Phạm Vũ Phong**.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị Kim Châu**

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

Áp dụng vào các điều 89, 91, 92, 94 luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự;

1/ **Về hôn nhân**: Chấp nhận cho bà Phạm Thu Hằng được ly hôn với ông Phạm Vũ Phong.

2/ **Về con chung**: Giao cháu Phạm Thu Quyên – sinh ngày 27/4/2001 cho bà Hằng trực tiếp dạy dỗ, chăm sóc, nuôi dưỡng, Giao cháu Phạm Quỳnh Anh – sinh ngày 28/01/2009 cho ông Phong nuôi dưỡng, chăm sóc cháu, Bà Hằng, ông Phong không yêu cầu cấp dưỡng.

Bà Hằng, ông Phong có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dạy hai cháu không ai có quyền ngăn cản.

3/ **Về tài sản chung**: Vợ chồng không có nên không xem xét

4/ **Về nợ chung**: Người liên quan đã từ chối quyền yêu cầu việc trả nợ cho mình, khi phát sinh tranh chấp bà Châu có quyền kiện vụ án dân sự khác.

5/ Án phí HNGĐ sơ thẩm 200.000đ bà Hằng phải chịu, ngày 25/2/2013 bà Phạm Thu Hằng đã dự nộp 200.000đ theo lai số 004305 được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự